

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: NHỮNG NHÂN TỐ CẢN TRỞ

Nguyễn Duy Linh Thảo

Nguyễn Minh Hùng

Tóm tắt: Đối với Việt Nam nói chung và vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hình thành và phát triển mạnh từ sau năm 1986, khi Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới, và đặc biệt là sau năm 1995 khi Việt Nam gia nhập ASEAN. Theo Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu, Chính phủ khuyến khích thu hút đầu tư vào các lĩnh vực phát triển hạ tầng, kết hợp phát triển du lịch, ưu tiên bố trí nguồn lực cho các dự án, công trình có tính liên kết vùng, phục vụ đa mục tiêu, kết hợp giao thông, thủy lợi, sử dụng thông minh nguồn nước, hạn chế tác động bất lợi do biến đổi khí hậu, thiên tai liên quan đến nước. Tuy nhiên, kết quả FDI tại vùng ĐBSCL chưa sánh được với những vùng khác cả về số lượng dự án cũng như quy mô vốn đầu tư, mặc dù tiềm năng rất lớn. Bài viết này tìm hiểu những nguyên nhân cản trở dòng FDI vào vùng ĐBSCL, góp phần đưa ra luận cứ khoa học có độ tin cậy, giúp cho các tỉnh/thành phố trong khu vực này khắc phục, cải tiến, để có những sáng kiến đột phá thu hút dòng FDI chất lượng phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

Từ khóa: Đồng bằng sông Cửu long; FDI; Giải pháp; Nhân tố cản trở; Phát triển bền vững.

Mở đầu

Từ khi triển khai Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu (Chính phủ, 2017), trong 03 năm 2018, 2019 và 2020, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng lần lượt đạt 2,55 tỷ USD, 2,06 tỷ USD và 6,08 tỷ USD; chiếm tương ứng 7,2%, 5,4% và 21,32% tổng vốn đăng ký đầu tư của cả nước. Đặc biệt năm 2020, có một số địa phương tăng FDI rất mạnh do có đại dự án đầu tư, thúc đẩy mạnh dòng vốn dịch chuyển vào vùng này (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021).

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi về điều kiện tự nhiên cũng như các tác động tích cực của cơ chế chính sách riêng, việc thu hút FDI trong giai đoạn vừa qua của vùng ĐBSCL

bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Cụ thể, ĐBSCL đang tự hào là vùng kinh tế và nông nghiệp lớn nhất cả nước nhưng xuất khẩu chưa bằng riêng tỉnh Đồng Nai (VCCI Việt Nam chi nhánh Cần Thơ, 2021). Các lĩnh vực/ngành đầu tư từ các dự án FDI hầu như không có sự chọn lọc như Thành phố Hồ Chí Minh hay các tỉnh miền Đông Nam Bộ, những nơi này lựa chọn những dự án có hàm lượng công nghệ cao, ít gây ô nhiễm... Đơn cử như tỉnh Bạc Liêu có đại dự án “Nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng Bạc Liêu” với vốn đầu tư 4 tỷ USD cũng không thể làm thay đổi diện mạo nền sản xuất như kỳ vọng tại tỉnh này, chủ yếu là phù hợp với nhu cầu cung cấp năng lượng cả nước, rất ít dự án FDI theo lợi thế của địa phương cụ thể là chế biến sản phẩm từ nông nghiệp, thủy sản... Một vấn đề nữa đó là dòng vốn FDI chủ yếu tập trung tại Long An, chiếm gần 30% của

toàn vùng, trong khi đó thành phố Cần Thơ là trung tâm của khu vực nhưng FDI rất khiêm tốn. Nhìn chung, thu hút FDI của ĐBSCL chưa có sự lựa chọn kỹ càng, phân bổ vốn FDI chưa đều và rộng khắp. Trong khi đó, xuất khẩu nông nghiệp chưa liên kết được với thu hút vốn FDI. Vì vậy, mục tiêu của bài nghiên cứu này là nhận diện những nhân tố cản trở đến việc thu hút FDI vào khu vực ĐBSCL để đưa ra một số khuyến nghị nhằm cải thiện tình hình, hướng tới tạo điều kiện thu hút nhiều hơn FDI vào vùng.

1. Tổng quan về các yếu tố tác động đến kết quả thu hút FDI

Có một số nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm đến lợi ích của một địa phương hay một quốc gia khi thu hút vốn FDI. FDI đóng góp nhiều nguồn lực cho phát triển kinh tế của quốc gia nhận đầu tư, cụ thể như doanh nghiệp FDI có công nghệ cao, chuyên môn quản lý tốt, các kinh nghiệm, bí quyết và những vấn đề khác mà nước nhận FDI không thể dễ dàng tiếp cận. Vì vậy, FDI có khả năng đóng vai trò xúc tác quan trọng đối với các nước trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế định hướng thị trường như Việt Nam (Asian Development Bank Institute, 2006).

Ngoài ra, bất ổn kinh tế vĩ mô, hạn chế đầu tư, tham nhũng và bất ổn chính trị là các rào cản, có tác động tiêu cực đến FDI. Theo các nghiên cứu, trong các yếu tố gồm tài nguyên thiên nhiên, quy mô thị trường, chính sách của Chính phủ, sự bất ổn chính trị và chất lượng các tổ chức của nước chủ nhà đối với FDI, 2 nhân tố đầu là tài nguyên thiên nhiên và quy mô thị trường có tác động mạnh và thúc đẩy FDI. Bên cạnh đó, các nhân tố như: lạm phát thấp, cơ sở hạ tầng tốt, trình độ dân số, độ mở cửa của nền kinh tế, tham nhũng thấp, ổn định chính trị và hệ thống pháp lý đáng tin cậy có tác động tích cực tới thu hút FDI. Những kết

quả này cho thấy, các quốc gia nhỏ hoặc thiếu tài nguyên thiên nhiên có thể thu hút vốn FDI thông qua cải thiện thể chế và môi trường chính sách của họ (Asiedu. E, 2006).

Bên cạnh đó, ĐBSCL cần tập trung thu hút FDI với đặc điểm riêng của vùng. Trong những năm qua, FDI đã góp phần khơi được dòng chảy các nguồn tài nguyên kinh tế và góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Tuy nhiên, khu vực này còn những hạn chế, dẫn đến thu hút FDI chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của vùng do những nguyên nhân sau: (i) thiếu thông tin minh bạch trong chính sách; (ii) kết cấu hạ tầng kỹ thuật chưa tốt (giao thông, logistic, năng lượng, viễn thông) làm nhà đầu tư chưa hài lòng; (iii) đội ngũ công chức quản lý chưa chuyên nghiệp, thiếu kỹ năng giao tiếp chăm sóc nhà đầu tư, trình độ ngoại ngữ còn thấp; (iv) nguồn lao động thiếu chất lượng, đa số chưa qua đào tạo (Nguyễn Trọng Minh, 2012).

Nghiên cứu về FDI của tỉnh Cà Mau xem xét các nhân tố tác động gồm nhóm nhân tố kinh tế; nhóm nhân tố tài nguyên và vị trí địa lý; nhóm nhân tố cơ sở hạ tầng; nhóm nhân tố chính sách; nhóm nhân tố liên kết vùng. Nghiên cứu đã tìm ra các yếu tố tác động đến thu hút vốn đầu tư vào khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản là: (i) quyết định của chính quyền địa phương và các chính sách hỗ trợ; (ii) thị trường; (iii) vị trí địa lý và tài nguyên thủy sản. Các yếu tố tác động đến thu hút vốn đầu tư vào khu vực công nghiệp - xây dựng gồm: (i) quyết định của chính quyền địa phương; (ii) chính sách đầu tư và công tác hỗ trợ; (iii) thị trường. Trong khi đó, các yếu tố như: (i) thị trường; (ii) chi phí đầu tư; (iii) đối tác tin cậy; (iv) vị trí thuận lợi cho hoạt động kho bãi; (v) các khu kinh tế đều có tác động đến thu hút vốn đầu tư vào khu vực thương mại - dịch vụ (Giao và cộng sự, 2015).

Khi nghiên cứu “Lý do ĐBSCL không thu hút được vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài” sử dụng mô hình Harrod-Domar, mô hình tăng trưởng kinh tế của Solow, Hecksher - Ohlin (H - O) nghiên cứu về sự dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài. Tác giả đưa ra 12 biến độc lập để xác định các yếu tố tác động đến vốn FDI vào ĐBSCL trong tương quan với cả nước nhằm tìm ra lý do tại sao ĐBSCL không thu hút được vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Kết quả cho thấy, ĐBSCL không thu hút được nhiều vốn FDI là do cơ sở hạ tầng yếu kém, vốn đầu tư của nhà nước và tư nhân trong nước còn thấp. Những yếu tố khác như độ mở nền kinh tế, lực lượng lao động cũng có ảnh hưởng đến vốn FDI. Nhà đầu tư nước ngoài quan tâm đến GDP khi quyết định đầu tư tại các địa phương nhưng không có nghĩa là tất cả tỉnh/thành phố

có GDP cao sẽ thu hút được nhiều vốn FDI (Phạm Kim Phước, 2015).

Khi nghiên cứu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2020, VCCI đã có bổ sung các chỉ tiêu vào cuộc khảo sát để có được quan sát về sự thay đổi của thời tiết trong 5 năm qua, để các doanh nghiệp cảm nhận biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai tác động đến doanh nghiệp vùng ĐBSCL như thế nào. Kết quả cho thấy, cộng đồng doanh nghiệp thiếu lạc quan khi đầu tư vào vùng bị ảnh hưởng do biến đổi khí hậu (Biểu đồ 1), (VCCI, 2020).

Dựa vào các nghiên cứu trước đây, tác giả tổng hợp các nhân tố cản trở FDI theo lý thuyết và đề xuất các nhân tố cản trở thu hút FDI vào ĐBSCL trong nghiên cứu này tại Bảng 1.

BẢNG 1. CÁC YẾU TỐ CẢN TRỞ KẾT QUẢ THU HÚT FDI

Tác giả	Yếu tố	Sự phù hợp để sử dụng cho bài viết
Asiedu. (2006)	Tài nguyên thiên nhiên	Đây là yếu tố tác động thuận chiều với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long, nên không nằm trong phạm vi nghiên cứu của bài viết
	Quy mô thị trường	Đây là yếu tố tác động thuận chiều với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long, nên không nằm trong phạm vi nghiên cứu của bài viết
	Lạm phát	Đây là yếu tố vĩ mô, nên tác giả không tiếp cận yếu tố này.
	Cơ sở hạ tầng	Yếu tố này tác động nghịch với FDI của ĐBSCL
	Trình độ dân trí	Yếu tố này tác động nghịch với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long
	Tham nhũng	Yếu tố này tác động nghịch với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long
	Độ mở cửa của quốc gia	Đây là yếu tố vĩ mô, nên tác giả không tiếp cận yếu tố này.
	Ổn định chính trị	Đây là yếu tố vĩ mô, nên tác giả không tiếp cận yếu tố này.
Nguyễn Trọng Minh (2012)	Hệ thống pháp lý đáng tin cậy	Đây là yếu tố vĩ mô, nên tác giả không tiếp cận yếu tố này.
	Thiếu thông tin minh bạch trong quản lý	Yếu tố này tác động nghịch với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long
	Kết cấu hạ tầng kỹ thuật	Yếu tố này tác động nghịch với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long

	Đội ngũ công chức quản lý chưa chuyên nghiệp	Yếu tố này tác động nghịch với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long
	Lao động thiếu chất lượng.	Yếu tố này tác động nghịch với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long
Giao và các cộng sự (2015)	Chính sách hỗ trợ	Đây là yếu tố vĩ mô, nên tác giả không tiếp cận yếu tố này.
	Thị trường	Đây là yếu tố tác động thuận chiều với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long nên không nằm trong phạm vi nghiên cứu của bài viết
	Vị trí địa lý	Yếu tố này tác động nghịch với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long
	Tài nguyên	Đây là yếu tố tác động thuận chiều với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long nên không nằm trong phạm vi nghiên cứu của bài viết
Phạm Kim Phước (2015)	Cơ sở hạ tầng	Yếu tố này tác động nghịch với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long
	Độ mở nền kinh tế	Đây là yếu tố vĩ mô nên tác giả không tiếp cận yếu tố này
	Lực lượng lao động	Yếu tố này tác động nghịch với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long
VCCI (2020)	Biến đổi khí hậu	Yếu tố này tác động nghịch với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long
	Rủi ro thiên tai	Yếu tố này tác động nghịch với FDI của Đồng bằng sông Cửu Long

Từ đó, tác giả rút ra 4 nhóm yếu tố cản trở thu hút FDI của vùng như sau:

Nhóm thứ nhất: Yếu tố vị trí địa lý là khoảng cách tới các trung tâm các thành phố lớn.

Nhóm thứ hai: Yếu tố kết cấu hạ tầng kỹ thuật bao gồm giao thông, logistic, năng lượng, viễn thông,... làm nhà đầu tư chưa hài lòng.

Nhóm thứ ba: Nguồn nhân lực như nguồn lao động thiếu chất lượng, đa số chưa qua đào tạo.

Nhóm thứ tư: Nhóm yếu tố xuất phát từ ứng xử của chính quyền địa phương bao gồm đội ngũ công chức quản lý chưa chuyên nghiệp, hạn chế về ngoại ngữ; thiếu kỹ năng giao tiếp chăm sóc nhà đầu tư; thông tin chưa

minh bạch trong quản lý, từ đó sinh ra tình trạng tham nhũng.

Ngoài ra, bài viết sẽ tiếp cận các đánh giá về biến đổi khí hậu, vấn đề kết nối vùng và marketing địa phương để xem xét trong nghiên cứu này. Ngoài các yếu tố cản trở thu hút FDI theo các nghiên cứu trước, bài viết bổ sung thêm hai yếu tố mới, đó là biến đổi khí hậu và marketing địa phương – là nhóm các yếu tố chưa được quan tâm nhưng có khả năng tác động đến doanh nghiệp.

2. Thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đồng bằng sông Cửu Long

2.1. Phân tích so sánh một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô của vùng với cả nước

Dân số ĐBSCL là 17,8 triệu người, chiếm khoảng 18,8% dân số cả nước. Mặc dù chỉ chiếm 18,8% nhưng lực lượng lao động trên

15 tuổi của vùng chiếm đến 19,3% tổng lao động trên 15 tuổi của cả nước, chỉ sau Đồng bằng sông Hồng (21,9%), Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung (21,6%). Vùng có tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 4,1 triệu ha (chiếm 12,3% diện tích tự nhiên cả nước), đất sử dụng để sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3,4 triệu ha, chiếm 83,3% tổng diện tích đất tự nhiên của vùng (Tổng cục Thống kê, 2020).

Với mức đóng góp trung bình khoảng 20% GDP cho nền kinh tế nước nhà, mặc dù có nhiều thế mạnh nhưng trong 10 năm trở lại đây, tăng trưởng của vùng ĐBSCL luôn thấp

hơn tăng trưởng GDP cả nước. Từ năm 2007 đến năm 2019, GDP cả nước tăng với tốc độ ngày càng cao (giai đoạn 2007 - 2012, trung bình hàng năm tăng 5,8%; giai đoạn 2013 - 2019, trung bình hàng năm tăng 6,4%). Tuy nhiên, tốc độ tăng GDP vùng ĐBSCL lại có xu hướng giảm (giai đoạn 2007 - 2012, tăng trung bình 5,7%/năm, thấp hơn trung bình cả nước 0,62 điểm phần trăm; đến giai đoạn 2013 - 2019, trung bình mỗi năm chỉ tăng 5,5%, thấp hơn trung bình cả nước 0,9 điểm phần trăm (Tổng cục Thống kê, 2021).

BẢNG 2. ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP VÙNG ĐBSCL (LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2020)

STT	Tỉnh/TP	Số lượng dự án	Tổng vốn đăng ký (Tr.USD)
1	Long An	1.170	7.900,8
2	Kiên Giang	60	4.802,2
3	Trà Vinh	43	3.330,7
4	Tiền Giang	117	2.581,2
5	Bến Tre	64	1.079,4
6	Vĩnh Long	62	741,6
7	Cần Thơ	85	725,8
8	Bạc Liêu	13	553,4
9	Hậu Giang	23	519,8
10	An Giang	26	267,6
11	Sóc Trăng	15	247,4
12	Đồng Tháp	18	168,7
13	Cà Mau	11	146,7
	Tổng cộng	1.707	23.065,3

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

2.2. **Khái quát tình hình thu hút FDI tại Đồng bằng sông Cửu Long**

Theo số liệu thống kê ở Bảng 2, tính đến ngày 31/12/2020, tỉnh Long An đứng đầu khu vực về số lượng dự án (1.170 dự án) và tổng vốn đăng ký (trên 7.900,8 tỷ USD). Tiếp theo,

Kiên Giang, Trà Vinh, Tiền Giang và Bến Tre là những địa phương có nguồn vốn FDI trên 1 tỷ USD. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả tạm gọi đây là “top 5” của vùng ĐBSCL trong việc thu hút FDI. Bên cạnh đó, thành phố Cần Thơ với vị trí, vai trò được Chính phủ xác định là địa phương dẫn đạo của toàn vùng, nơi có

điều kiện và mức đầu tư ưu tiên nhiều nhất từ nhà nước, nhưng không thể sánh bằng nhóm “top 5” kể trên trong việc thu hút FDI.

Số liệu chính thức từ Tổng cục Thống kê mô tả số lượng dự án và tổng vốn đăng ký FDI của 13 tỉnh/thành phố khu vực ĐBSCL được trình bày ở Bảng 3.

BẢNG 3. THỐNG KÊ MÔ TẢ SỐ LƯỢNG DỰ ÁN VÀ TỔNG VỐN ĐĂNG KÝ CỦA 13 TỈNH/TP TRONG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Chỉ tiêu	Số lượng dự án	Tổng vốn đăng ký (Tr.USD)
Trung bình	131,31	1.774,25
Trung vị	43,00	725,80
Độ lệch chuẩn	313,73	2.333,05
Tối thiểu	11,00	146,70
Tối đa	1.170,00	7.900,80
Số tỉnh	13,00	13,00
Độ tin cậy (95,0%)	189,58	1.409,85

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê, 2020.

Như vậy, đăng ký nội vùng có sự khác biệt khá xa giữa 2 nhóm gồm “top 5” và nhóm những tỉnh/thành phố còn lại. Cụ thể, Vĩnh Long có tổng vốn đăng ký FDI là 741,6 triệu USD hay Cần Thơ là 725,8 triệu USD là 2 địa phương đứng đầu của nhóm dưới, nhưng tổng vốn FDI quá ít so giá trị trung bình là 1.774,25 triệu USD (Bảng 3). Các tỉnh còn lại như Cà Mau, Đồng Tháp có dòng vốn FDI không đáng kể mặc dù các tỉnh này có nhiều nỗ lực rất quyết liệt về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

2.3. Phân tích so sánh FDI của vùng với cả nước

Dữ liệu cung cấp ở Bảng 4 và Bảng 5 cho thấy, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng ĐBSCL còn khá khiêm tốn. Trong năm 2019, đầu tư nước ngoài vào vùng chiếm 5,4% tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, bằng 80,6% so với năm 2018 và giảm 21,85% so với năm 2017. Nhìn chung, FDI của vùng có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2015 - 2019. Tuy nhiên, FDI vào khu vực ĐBSCL bắt đầu có dấu hiệu tăng lên vào năm 2020, nhưng do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nên FDI của vùng nói riêng và của cả nước nói chung chưa thể phục hồi.

BẢNG 4: TỔNG VỐN FDI GIAI ĐOẠN 2010 - 2019 (triệu USD)

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Cả nước	19.886	15.598	16.348	22.352	21.922	24.115	26.891	35.601	35.466	38.019
ĐBSCL	1.822	1.038	604	709	992	3.656	2.335	2.635	2.554	2.059

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

BẢNG 5: TỶ TRỌNG VỐN CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG SO CẢ NƯỚC (2010-2019)

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Tỉnh/TP khác	90,8%	93,3%	96,3%	96,8%	95,5%	84,8%	91,3%	92,6%	92,8%	94,6%
ĐBSCL	9,2%	6,7%	3,7%	3,2%	4,5%	15,2%	8,7%	7,4%	7,2%	5,4%

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2.4. Phân tích so sánh FDI với các khu vực khác

Kết quả từ Bảng 6 cho thấy, khi đối chiếu và so sánh với các vùng khác trong cả nước, tính lũy kế đến thời điểm 31/12/2020, khu vực ĐBSCL có 1.792 dự án FDI với tổng vốn đăng ký đầu tư 28.544.0 triệu USD, đứng thứ tư trong 5 vùng của cả nước (không kể ngành khí). Như vậy, tổng vốn đăng ký đầu tư của ĐBSCL chỉ bằng 7,76% so với cả nước;

48,52% so với vùng Bắc trung bộ và duyên hải; 26,99% so với vùng Đồng bằng sông Hồng và chỉ bằng 18,56% so với khu vực Đông Nam bộ. Qua đó, có thể thấy rằng, thời điểm này tuy đã có chủ trương quan tâm của Chính phủ như Nghị quyết số 120/NQ-CP nhưng khu vực ĐBSCL vẫn chưa hấp dẫn đầu tư và chưa được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm.

BẢNG 6. ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO VÙNG (LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2020)

STT	Vùng	Số lượng dự án	Tổng vốn đăng ký (Tr.USD)
1	Đông Nam Bộ	15.707	153.782,3
2	Đồng bằng sông Hồng	10.315	105.758,9
3	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	1.970	58.823,9
4	Đồng bằng sông Cửu Long	1.792	28.544,0
5	Trung du và miền núi Bắc Bộ	1.047	18.178,3
6	Dầu khí	50	2.768,7
	Tổng cộng	30.796	362.377,5

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Nhìn chung các dự án FDI có quy mô lớn của vùng ĐBSCL tập trung chủ yếu vào lĩnh vực năng lượng; các dự án đầu tư vào những lĩnh vực thế mạnh của vùng và có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao còn rất ít, chưa có sự quan tâm của khu vực FDI. Các lĩnh vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài lớn là ngành dệt

may, da giày, công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế biến thực phẩm, đồ uống, công nghiệp chế tạo... tập trung nhiều nhất ở tỉnh Long An, còn lại các tỉnh/thành phố khác trong khu vực có rất ít nhà đầu tư nước ngoài.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI tại Đồng bằng sông Cửu Long

3.1. Yếu tố vị trí địa lý

Trong thực tế, thông thường nhà đầu tư lựa chọn địa điểm nơi đầu tư có vị trí gần trung tâm. Xét trường hợp Đồng bằng sông Cửu Long, các địa phương có điều kiện gần Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) sẽ thuận lợi về thu hút FDI. Tác giả cho rằng quan điểm này chỉ mang tính tương đối vì những lý do sau:

Nếu lý giải Long An, Tiền Giang do gần TP.HCM và vùng Đông Nam Bộ sẽ có điều kiện tốt hơn các tỉnh còn lại, bài viết đồng ý quan điểm này, nhưng trường hợp Trà Vinh với chỉ 43 dự án FDI và tổng vốn là hơn 3,33 tỷ USD gấp gần 5 lần thành phố Cần Thơ (số liệu Bảng 2), trong khi xét toàn diện các điều kiện thì đây là tỉnh có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nghèo hơn so với các tỉnh trong vùng, nhưng họ đã thành công trong giải quyết nhiều trở ngại trong thu hút FDI.

Một trường hợp khá thành công như Kiên Giang là tỉnh xa các trung tâm, nhưng kết quả thu hút FDI đứng thứ 2 khu vực ĐBSCL được lý giải là tuy nằm trong khu vực nhưng Kiên Giang có đã tạo ra khác biệt nổi trội hơn các tỉnh còn lại nên đã bước đầu gạt hái được kết quả thu hút FDI, chủ yếu là các huyện/thành phố trong đất liền, trong khi FDI thành phố Phú Quốc chỉ chiếm tỷ trọng vốn không đáng kể, khoảng 5,8% của tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang, 2021). Trong tương lai, nếu Kiên Giang có bước đi ổn định, có điều kiện tốt về hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực, nhất là tiếp tục phát huy tốt việc ứng xử, trân trọng nhà đầu tư mà địa phương này đã và đang làm thì chắc chắn rằng FDI đổ vào địa phương này sẽ là một đột phá của Đồng bằng sông Cửu Long.

3.2. Cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực

Có mối quan hệ khá rõ giữa thu hút đầu tư với cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực (Nguyễn Trọng Minh, 2012). Cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng vẫn là yếu tố hàng đầu giúp cải thiện môi trường kinh doanh và thu hút đầu tư.

Ngày nay, cơ sở hạ tầng không chỉ là giao thông mà còn bao gồm cả hệ thống giao dịch trên mạng thông tin, nguồn năng lượng cung cấp cho doanh nghiệp. Các khu công nghiệp cũng được xem là một phần trong kết cấu cơ sở hạ tầng bao gồm đất đai được quy hoạch, điện nước, xử lý chất thải và độ mở kết nối với các trục giao thông, cảng lớn, những thị trường tiêu thụ lớn.

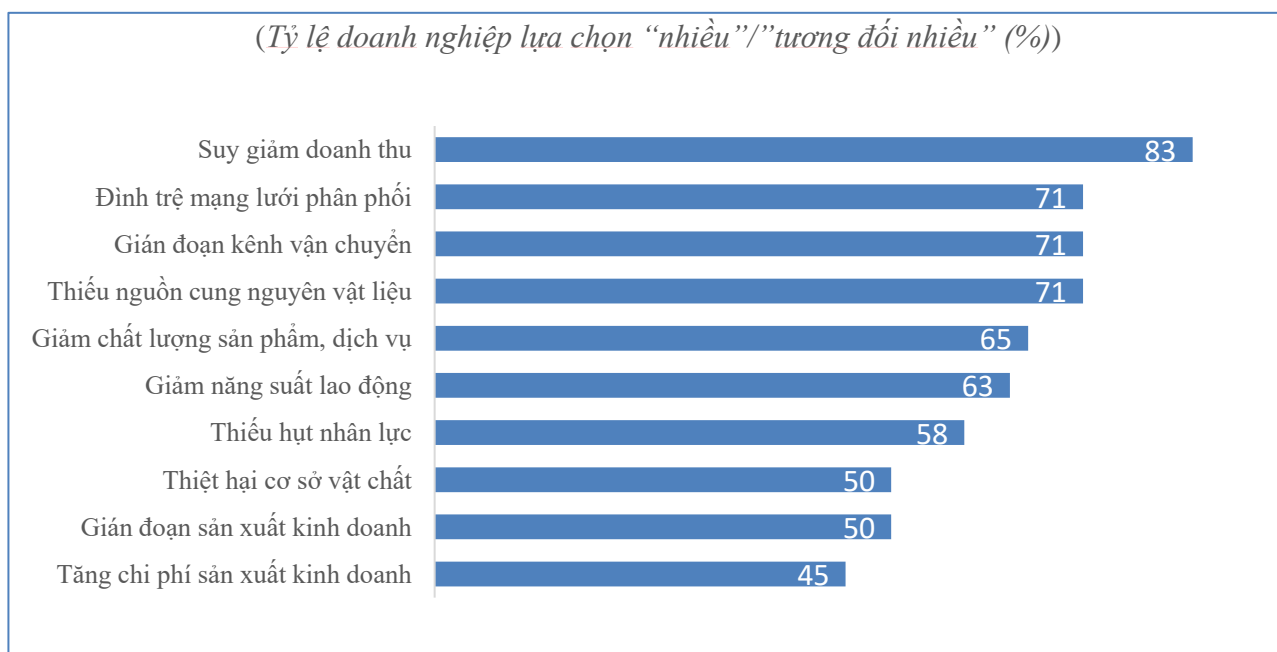
Giữa cơ sở hạ tầng và khả năng đáp ứng nhu cầu lao động có mối quan hệ với nhau (Phạm Kim Phước, 2015). Ngoại trừ Long An, có thể dẫn chứng một số trường hợp cơ sở hạ tầng chỉ ở mức trung bình hoặc thấp như Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu nhưng thu hút đầu tư khá hơn so với nhiều tỉnh/thành phố khác trong vùng. Cà Mau là trường hợp đặc biệt do chương trình đầu tư của Chính phủ hướng đến và đầu tư của tư nhân đi theo. Bạc Liêu là một ví dụ khác khi nhà đầu tư FDI tìm thấy cơ hội tốt nhất cho việc triển khai dự án thuộc ngành năng lượng. Tại Trà Vinh, nhà đầu tư FDI tìm thấy nơi đây có nguồn lao động giá rẻ, đáp ứng yêu cầu cho một số ngành sử dụng nhiều lao động. Nhưng nếu Trà Vinh tăng số lượng doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động thì áp lực sẽ đến ngay lập tức, khả năng tăng thêm dự án đầu tư bị cản trở bởi điểm chặn này. Trà Vinh bị cô lập với nhiều tỉnh, rất khó tuyển dụng thêm lao động từ các tỉnh khác. Trong khi đó, Tiền Giang có vị thế địa phương gần với TP.HCM, có đường cao tốc và trục giao thông chính đi qua có thể tận dụng được lợi thế này.

Vấn đề đặt ra là do chưa chú trọng vào khai thác nguồn nhân lực chất lượng cao trong

nhiều năm nên trình độ lực lượng lao động của vùng vẫn luôn thấp nhất cả nước. Những năm trở lại đây, do điều kiện khí hậu bất lợi, việc chuyển đổi hoạt động sản xuất đòi hỏi người lao động phải đáp ứng được các điều kiện mới về chất lượng đã thúc đẩy đầu tư giáo dục của vùng tăng cao, cải thiện trình độ lao động.

3.3. Biến đổi khí hậu

BIỂU ĐỒ 1. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ RỦI RO THIÊN TAI TÁC ĐỘNG ĐẾN DOANH NGHIỆP VÙNG ĐBSCL



Nguồn: VCCI, 2020.

3.4. Vấn đề kết nối vùng

Có nhiều học giả khi nghiên cứu thu hút vốn FDI của ĐBSCL đã khuyến cáo nhiều giải pháp về cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết vùng, tạo động lực để đưa khu vực này phát triển bền vững, nhất là thu hút đầu tư xã hội, trong đó có FDI.

Tthời gian qua, các tỉnh/thành phố trong khu vực tổ chức thực hiện các hoạt động liên kết vùng khá bài bản, tuy nhiên chưa thấy các kết quả tác động rõ rệt đến thu hút FDI. Thu hút FDI trong “top 5” đã có dòng vốn FDI rất ngoạn mục, ngược lại thành phố Cần Thơ là

Biểu đồ 1 cho thấy, tại ĐBSCL, các doanh nghiệp FDI dường như lo lắng hơn các khu vực khác. Doanh nghiệp trong những ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chịu tác động lớn hơn cả. Kết quả điều tra của VCCI cho thấy, cộng đồng doanh nghiệp thiếu lạc quan khi đầu tư vào vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

thủ phủ miền Tây, đóng vai trò đầu tàu cho các chương trình liên kết vùng nhưng chưa có những đóng góp mang tính dẫn đạo trong thu hút FDI của Đồng bằng sông Cửu Long. Nói cách khác, ở góc nhìn này, liên kết vùng gần như không có tác động đến thu hút FDI của vùng.

3.5. Marketing địa phương

Bên cạnh những cản trở đã nêu trong thu hút FDI, khu vực này vẫn chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp FDI quan tâm đến Đồng bằng sông Cửu Long. Thực tế, ĐBSCL là vùng sản xuất công nghiệp lớn thứ ba cả nước sau hai đô thị lớn là TP. HCM và Hà Nội, kết

nổi giao thông đến TP. HCM đã được cải thiện nhiều trong những năm gần đây và nhiều tỉnh thuộc ĐBSCL hiện sở hữu môi trường đầu tư rất tốt. ĐBSCL vẫn nhận được đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ít hơn so với vùng khác tại Việt Nam là do nhiều nhà đầu tư thiếu thông tin. Các nhà đầu tư tiềm năng hiện tập trung ở khu vực miền Đông Nam Bộ và TP.HCM đang muốn mở rộng đầu tư nhưng phải đối mặt với tình trạng chi phí đất đai tương đối cao, thiếu hụt lao động và các thách thức khác. Trong khi đó, ĐBSCL đang chuyển đổi trọng tâm phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản từ số lượng sang chất lượng, với các lợi ích tiềm năng từ các doanh nghiệp, nhân công lao động và môi trường. Do vậy, vùng cần phải đẩy mạnh truyền thông về hình ảnh, con người, nhu cầu và cơ hội đầu tư đến với các doanh nghiệp và tập đoàn kinh tế trên thế giới.

Như vậy, một địa điểm muốn nổi tiếng, được nhiều nhà kinh doanh tìm đến phải xây dựng hình ảnh trong hàng chục, thậm chí vài chục năm. Xây dựng hình ảnh địa phương, quảng bá hình ảnh tích cực của địa phương là cách hấp dẫn nhà đầu tư, tạo nên thương hiệu cho sản phẩm của họ. Về điểm này, ĐBSCL thực hiện còn khá yếu. Mặc dù trong mấy năm gần đây có nhiều sự kiện như lễ hội, festival, diễn đàn đầu tư... được tổ chức thường xuyên nhưng tác động truyền thông chưa thật sự tốt.

3.6. Chất lượng điều hành của chính quyền địa phương

Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đo lường và đánh giá thực tiễn chất lượng điều hành kinh tế của các tỉnh, thành phố tại Việt Nam, qua đó thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân của 63 tỉnh, thành phố ở Việt Nam. Chỉ số PCI có thể coi như “tập hợp tiếng nói” của cộng đồng doanh

nh nghiệp dân doanh về môi trường kinh doanh tại các tỉnh, thành phố ở Việt Nam.

Câu hỏi đặt ra là cần xác định mối quan hệ của các thành phần trong chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) với việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các địa phương của Việt Nam. Nghiên cứu mô hình kinh tế lượng với vốn FDI là biến phụ thuộc cùng 10 thành phần của PCI và có bổ sung thêm một số nhân tố khác như lực lượng lao động, diện tích, cảng biển, sân bay. Kết quả là không phải tất cả các chỉ số thành phần của PCI đều tác động đến FDI mà chỉ có 2 chỉ số là: “Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất; thiết chế pháp lý” còn lại đều không tác động đến FDI (Nguyễn Minh Hà và Lê Công Hường, 2014).

Mặc dù có mối liên hệ như vậy, trong thực tế địa phương có thể mạnh về PCI nhưng không thu hút tốt FDI. Chẳng hạn, Đồng Tháp là địa phương rất mạnh về PCI, luôn trong nhóm đầu khu vực nhiều năm, nhưng họ thu hút FDI không đáng kể.

Kết luận và kiến nghị

Thông qua những công trình đã công bố về những nhân tố tác động nghịch biến đối với kết quả thu hút FDI có liên quan đến ĐBSCL, bài viết đã phân tích dữ liệu FDI của vùng trong so sánh với tổng thể cả nước và khu vực khác. Có thể nói, nguồn vốn FDI của khu vực ĐBSCL thời gian qua còn rất khiêm tốn so với nơi khác. Những năm gần đây, vùng có một số siêu dự án được triển khai nhưng chủ yếu là lĩnh vực năng lượng tái tạo, chưa thể làm điểm tựa cũng như dẫn đạo cho các doanh nghiệp nội địa tham gia vào chuỗi sản xuất của thế giới.

Qua phân tích bài viết chỉ ra những lý do cản trở thu hút FDI của ĐBSCL như sau:

Yếu tố vị trí địa lý, tuy là điều kiện không thuận lợi cho vùng, nhưng như chứng minh ở trên, một số tỉnh vùng sâu, vùng xa vẫn có

những giải pháp để thu hút FDI tốt hơn những tỉnh/thành phố có vị trí thuận lợi. Trong khi đó, vị trí địa lý là yếu tố không thể cải thiện, vì không thể thay đổi do điều kiện tự nhiên.

Yếu tố cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực là nguyên nhân cốt lõi của nút thắt FDI. Về cơ sở hạ tầng, khu vực này có mức đầu tư thấp nhất cả nước nên khó có thể thuyết phục nhà đầu tư nước ngoài quyết định đến đây. Mặt khác, nguồn nhân lực vẫn là khâu khó khăn nhất mà các tỉnh/thành phố phải cần một chặng đường khá xa mới có thể rút ngắn khoảng cách với những vùng khác.

Biến đổi khí hậu là một yếu tố mới phát sinh trong những năm gần đây, nhưng là vấn đề không riêng khu vực mà tác động rộng khắp cả nước và trên thế giới. Doanh nghiệp lo ngại hậu quả của biến đổi khí hậu sẽ làm thay đổi quy luật tự nhiên của vùng và sẽ rất rủi ro khi đầu tư lâu dài.

Có nhiều nghiên cứu cho rằng, các tỉnh/thành phố phải liên kết nhau trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội để hình thành liên kết vùng, mặc dù đã có rất nhiều chương trình, kế hoạch đưa ra để thúc đẩy liên kết vùng nhưng trong thực tế chưa có tiếng nói chung của các địa phương.

Marketing địa phương chưa được quan tâm. Đây là yếu tố cần quan tâm, theo tác giả hoạt động marketing địa phương chỉ thường tập trung vào công tác xúc tiến đầu tư, chưa đầu tư xây dựng và thực hiện một quy trình marketing địa phương khoa học, hiệu quả.

Tác giả đã sử dụng nghiên cứu về PCI với FDI để xem xét tác động của chất lượng điều hành của chính quyền địa phương lên thu hút FDI nhưng chưa tìm thấy mối liên hệ. Chính vì vậy, bài viết cho rằng chính quyền địa phương làm tốt công tác cải cách hành chính, tạo ra nền hành chính hiện đại, ứng xử tốt với doanh nghiệp là điều cần thiết.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021). *Báo cáo đầu tư nước ngoài năm 2020*.
2. Chính phủ (2017). *Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*.
3. Asian Development Bank Institute, 2006, *The Mekong Region Foreign Direct Investment*. Printed in the Philippines, Publication Stock No. 080706.
4. Asiedu, E. (2006). *Foreign direct investment in Africa: The role of natural resources, market size, government policy, institutions and political instability*” *World development*, (29(1), pp.63.
5. Hà Nam Khánh Giao và các cộng sự (2015). *Nghiên cứu các yếu tố tác động đến thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Cà Mau*. *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Mở TP.HCM, số 5-44-2015, tr.38-50.
6. Nguyễn Minh Hà và Lê Công Hường (2014). *Các thành phần của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và tác động của chúng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các địa phương của Việt Nam*. *Tạp chí Kinh tế và Chính trị thế giới*, số 5-217 năm 2014, tr. 52-61.
7. Nguyễn Trọng Minh (2012). *Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Đồng Bằng Sông Cửu Long*. *Tạp chí Ngân hàng*, số 72, tháng 3/2012.
8. Phạm Kim Phước (2015). *Lý do đồng bằng sông Cửu Long không thu hút được vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*. *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Mở TP.HCM, số 10 (3)2015, tr.109-119.
9. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI - 2020), *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam năm 2020*.
10. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chi nhánh Cần Thơ (2021). *Báo cáo thường niên 2020*.

11. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang (2021). *Báo cáo đầu tư nước ngoài năm 2020*.
12. Tổng cục Thống kê (2017). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2011 - 2016*. Nxb Thống kê.
13. Tổng cục Thống kê (2021). *Niên giám tổ chức ngành Thống kê 2020*. Nxb Thống kê.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Duy Linh Thảo, ThS.

- Đơn vị công tác: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư,
Thương mại và Du lịch tỉnh Kiên Giang.
- Địa chỉ email: ndlthao@yahoo.com

2. Nguyễn Minh Hùng, CN.

- Đơn vị công tác: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư,
Thương mại và Du lịch tỉnh Kiên Giang.

Ngày nhận bài: 23/01/2022

Ngày nhận bản sửa: 12/3/2022

Ngày duyệt đăng: 20/5/2022